

Số: 1860/QĐ-SGDĐT

Sơn La, ngày 29 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai số liệu dự toán ngân sách
năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật NSNN;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 2688/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 của UBND tỉnh Sơn La về việc ban hành quy định về quản lý, điều hành ngân sách địa phương năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 2689/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 của UBND tỉnh Sơn La về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 1717/QĐ-SGDĐT ngày 19/12/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2024 cho các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 1855/QĐ-SGDĐT ngày 19/12/2023 về việc điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách nhà nước đã giao năm 2024 tại Quyết định 1717/QĐ-SGDĐT ngày 19/12/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo như sau:

- Tổng dự toán chi ngân sách được giao: 980.294.000.000 đồng.
- Tổng dự toán chi ngân sách đã giao, phân bổ: 980.294.000.000 đồng, trong đó:
 - + Kinh phí tự chủ/kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ:

474.657.000.000 đồng.

+ Kinh phí không tự chủ/Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ:
497.097.000.000 đồng.

+ Tiết kiệm chi 10%: 8.540.000.000 đồng

(có Phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng; Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính; Trưởng các phòng chuyên môn, nghiệp vụ của Sở có liên quan và Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- Các đơn vị trực thuộc Sở;
- Các phòng chuyên môn của Sở;
- Công TTĐT Sở;
- Lưu VT, KHTC(Tuần 65b).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lê Tiến Quân

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC
NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số 1860/QĐ-SGDĐT ngày 29/12/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bố	Trường THPT Chuyên	Trường THPT Tô Hiệu	Trường THPT Chiềng Sinh	Trường THCS và THPT Nguyễn Du	Trường THPT Mường La	Trường THPT Mường Bú	Trường THPT Quỳnh Nhai	Trường THPT Mường Giôn
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí										
I	Số thu phí, lệ phí	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Phí	-	-								
	Lệ phí	-	-								
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Chi sự nghiệp giáo dục	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
a	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
b	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	-	-								
2	Chi quản lý hành chính	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-	-								
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-	-								
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Phí	-	-								
2	Lệ phí	-	-								
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	980.294.000.000	980.294.000.000	33.376.000.000	22.338.000.000	16.452.000.000	12.993.000.000	24.142.000.000	9.067.000.000	18.726.000.000	8.092.000.000
I	Chi quản lý hành chính	102.207.000.000	102.207.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	9.380.000.000	9.380.000.000								
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	92.296.000.000	92.296.000.000								
1.3	Tiết kiệm 10%	531.000.000	531.000.000								
II	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	878.087.000.000	878.087.000.000	33.376.000.000	22.338.000.000	16.452.000.000	12.993.000.000	24.142.000.000	9.067.000.000	18.726.000.000	8.092.000.000
1	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ	465.277.000.000	465.277.000.000	23.317.000.000	17.106.000.000	12.272.000.000	8.911.000.000	11.278.000.000	6.205.000.000	10.690.000.000	5.060.000.000
2	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	404.801.000.000	404.801.000.000	9.597.000.000	5.031.000.000	4.017.000.000	3.936.000.000	12.667.000.000	2.751.000.000	7.885.000.000	2.948.000.000
3	Tiết kiệm 10%	8.009.000.000	8.009.000.000	462.000.000	201.000.000	163.000.000	146.000.000	197.000.000	111.000.000	151.000.000	84.000.000

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC
NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số 1860/QĐ-SGDĐT ngày 29/12/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Trường THPT Thuận Châu	Trường THPT Bình Thuận	Trường THPT Co Mạ	Trường THPT Tông Lệnh	Trường THPT Mai Sơn	Trường THPT Chu Văn Thỉnh	Trường THPT Cò Nòi	Trường THPT Sông Mã	Trường THPT Mường Lầm	Trường THPT Chiềng Khương
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí										
I	Số thu phí, lệ phí	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Phí										
	Lệ phí										
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Chi sự nghiệp giáo dục	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
a	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
b	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ										
2	Chi quản lý hành chính	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ										
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Phí										
2	Lệ phí										
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	19.186.000.000	13.063.000.000	15.339.000.000	22.374.000.000	19.747.000.000	25.811.000.000	15.897.000.000	28.241.000.000	14.976.000.000	16.133.000.000
I	Chi quản lý hành chính	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ										
1.3	Tiết kiệm 10%										
II	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	19.186.000.000	13.063.000.000	15.339.000.000	22.374.000.000	19.747.000.000	25.811.000.000	15.897.000.000	28.241.000.000	14.976.000.000	16.133.000.000
1	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ	11.935.000.000	5.630.000.000	7.551.000.000	11.900.000.000	16.262.000.000	12.892.000.000	10.236.000.000	13.036.000.000	8.062.000.000	7.874.000.000
2	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	7.081.000.000	7.333.000.000	7.680.000.000	10.291.000.000	3.277.000.000	12.748.000.000	5.507.000.000	15.003.000.000	6.775.000.000	8.127.000.000
3	Tiết kiệm 10%	170.000.000	100.000.000	108.000.000	183.000.000	208.000.000	171.000.000	154.000.000	202.000.000	139.000.000	132.000.000

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC
NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số 1860/QĐ-SGDĐT ngày 29/12/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Trường THPT Sốp Cộp	Trường THPT Yên Châu	Trường THPT Phiêng Khoài	Trường THPT Mộc Lỵ	Trường THPT Thảo Nguyên	Trường THCS và THPT Chiềng Sơn	Trường THPT Tân Lập	Trường THPT Mộc Hạ	Trường THPT Vân Hồ	Trường THPT Bắc Yên
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí										
I	Số thu phí, lệ phí	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Phí										
	Lệ phí										
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Chi sự nghiệp giáo dục	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
a	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
b	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ										
2	Chi quản lý hành chính	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ										
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Phí										
2	Lệ phí										
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	20.099.000.000	21.406.000.000	17.728.000.000	16.451.000.000	17.582.000.000	12.413.000.000	11.459.000.000	13.199.000.000	13.773.000.000	19.578.000.000
I	Chi quản lý hành chính	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ										
1.3	Tiết kiệm 10%										
II	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	20.099.000.000	21.406.000.000	17.728.000.000	16.451.000.000	17.582.000.000	12.413.000.000	11.459.000.000	13.199.000.000	13.773.000.000	19.578.000.000
1	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ	11.682.000.000	11.110.000.000	8.348.000.000	12.948.000.000	11.116.000.000	9.103.000.000	3.960.000.000	5.399.000.000	6.156.000.000	9.829.000.000
2	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	8.251.000.000	10.159.000.000	9.294.000.000	3.331.000.000	6.303.000.000	3.151.000.000	7.413.000.000	7.708.000.000	7.515.000.000	9.579.000.000
3	Tiết kiệm 10%	166.000.000	137.000.000	86.000.000	172.000.000	163.000.000	159.000.000	86.000.000	92.000.000	102.000.000	170.000.000

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC
 NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1860/QĐ-SGDĐT ngày 29/12/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Trường THPT Phù Yên	Trường THPT Gia Phù	Trường THPT Tân Lang	Trường PTDT nội trú tỉnh	Trường PTDT nội trú THCS và THPT Mường La	Trường PTDT nội trú THCS và THPT Quỳnh Nhai	Trường PTDT nội trú THCS và THPT Thuận Châu	Trường PTDT nội trú THCS và THPT Sông Mã	Trường PTDT nội trú THCS và THPT Sốp Cộp	Trường PTDT nội trú THCS và THPT Mai Sơn
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí										
I	Số thu phí, lệ phí	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Phí										
	Lệ phí										
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Chi sự nghiệp giáo dục	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
a	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
b	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ										
2	Chi quản lý hành chính	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ										
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Phí										
2	Lệ phí										
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	20.558.000.000	25.593.000.000	16.388.000.000	34.402.000.000	20.945.000.000	16.832.000.000	19.959.000.000	21.654.000.000	16.327.000.000	16.762.000.000
I	Chi quản lý hành chính	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ										
1.3	Tiết kiệm 10%										
II	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	20.558.000.000	25.593.000.000	16.388.000.000	34.402.000.000	20.945.000.000	16.832.000.000	19.959.000.000	21.654.000.000	16.327.000.000	16.762.000.000
1	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ	15.861.000.000	13.602.000.000	6.540.000.000	13.365.000.000	6.743.000.000	6.620.000.000	8.645.000.000	9.586.000.000	7.927.000.000	7.499.000.000
2	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	4.508.000.000	11.815.000.000	9.737.000.000	20.754.000.000	14.011.000.000	10.025.000.000	11.137.000.000	11.859.000.000	8.239.000.000	9.108.000.000
3	Tiết kiệm 10%	189.000.000	176.000.000	111.000.000	283.000.000	191.000.000	187.000.000	177.000.000	209.000.000	161.000.000	155.000.000

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC
 NĂM 2024
 (Kèm theo Quyết định số 1860/QĐ-SGDĐT ngày 29/12/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: đồng											
TT	Nội dung	Trường PTDT nội trú THCS và THPT Yên Châu	Trường PTDT nội trú THCS và THPT Mộc Châu	Trường PTDT nội trú THCS và THPT Vân Hồ	Trường PTDT nội trú THCS và THPT Bắc Yên	Trường PTDT nội trú THCS và THPT Phù Yên	Trung tâm GDTX tỉnh	Trung tâm GDTX huyện Mường La	Trung tâm GDTX huyện Quỳnh Nhai	Trung tâm GDTXhuyện Thuận Châu	Trung tâm GDTX huyện Sông Mã
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí										
I	Số thu phí, lệ phí	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Phí										
	Lệ phí										
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Chi sự nghiệp giáo dục	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
a	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
b	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ										
2	Chi quản lý hành chính	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ										
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Phí										
2	Lệ phí										
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	15.594.000.000	22.912.000.000	17.567.000.000	15.029.000.000	20.589.000.000	5.660.000.000	3.952.000.000	4.510.000.000	3.996.000.000	7.837.000.000
I	Chi quản lý hành chính	-	-		-	-	-	-	-	-	-
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ										
1.3	Tiết kiệm 10%										
II	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	15.594.000.000	22.912.000.000	17.567.000.000	15.029.000.000	20.589.000.000	5.660.000.000	3.952.000.000	4.510.000.000	3.996.000.000	7.837.000.000
1	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ	7.680.000.000	9.242.000.000	6.225.000.000	7.119.000.000	7.946.000.000	5.418.000.000	1.263.000.000	2.786.000.000	3.110.000.000	4.749.000.000
2	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	7.766.000.000	13.486.000.000	11.134.000.000	7.747.000.000	12.460.000.000	128.000.000	2.657.000.000	1.656.000.000	822.000.000	2.998.000.000
3	Tiết kiệm 10%	148.000.000	184.000.000	208.000.000	163.000.000	183.000.000	114.000.000	32.000.000	68.000.000	64.000.000	90.000.000

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC
NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số 1860/QĐ-SGDĐT ngày 29/12/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Trung tâm GDTX huyện Sốp Cộp	Trung tâm GDTX huyện Mai Sơn	Trung tâm GDTX huyện Yên Châu	Trung tâm GDTX huyện Mộc Châu	Trung tâm GDTX huyện Vân Hồ	Trung tâm GDTX huyện Bắc Yên	Trung tâm GDTXhuyện Phù Yên	Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập	Cộng Sở Giáo dục và Đào tạo	Cơ quan Sở Giáo dục và Đào tạo	Ngành Giáo dục và Đào tạo
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí											
I	Số thu phí, lệ phí	-	-	-	-	-	-	-				
	Phí											
	Lệ phí											
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	-	-	-	-	-	-	-				
1	Chi sự nghiệp giáo dục	-	-	-	-	-	-	-				
a	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ	-	-	-	-	-	-	-				
b	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ											
2	Chi quản lý hành chính	-	-	-	-	-	-	-				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ											
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ											
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN	-	-	-	-	-	-	-				
1	Phí											
2	Lệ phí											
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	5.832.000.000	6.856.000.000	4.131.000.000	6.687.000.000	3.772.000.000	6.340.000.000	5.470.000.000		102.207.000.000	52.634.000.000	49.573.000.000
I	Chi quản lý hành chính	-	-	-	-	-	-	-		102.207.000.000	52.634.000.000	49.573.000.000
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ									9.380.000.000	9.380.000.000	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ									92.296.000.000	42.723.000.000	49.573.000.000
1.3	Tiết kiệm 10%									531.000.000	531.000.000	
II	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	5.832.000.000	6.856.000.000	4.131.000.000	6.687.000.000	3.772.000.000	6.340.000.000	5.470.000.000	12.292.000.000		-	-
1	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ	2.111.000.000	3.228.000.000	1.620.000.000	2.196.000.000	1.971.000.000	1.629.000.000	3.057.000.000	7.671.000.000			
2	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	3.657.000.000	3.564.000.000	2.466.000.000	4.437.000.000	1.737.000.000	4.675.000.000	2.346.000.000	4.514.000.000			
3	Tiết kiệm 10%	64.000.000	64.000.000	45.000.000	54.000.000	64.000.000	36.000.000	67.000.000	107.000.000			